TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111/2022/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 10 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

-Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2022 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H ; Sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn M, xã ĐT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Bùi Minh Đ ; Sinh năm 1995

Nơi cư trú: Thôn K , xã ĐT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Bà Cao Thị T , sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thôn K , xã ĐT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

-Ông Nguyễn Văn T , sinh năm 1978

-Bà Nguyễn Thị H , sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn M, xã ĐT, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

-Anh Đỗ Tất C , sinh năm 1995

Nơi cư trú: Phố ĐL, xã ĐL, huyện BT tỉnh Thanh Hóa.

-Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

-Điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

-Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2022

là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh Đ đều xét thấy không hạnh phúc và tự nguyện thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh Đ không có con chung.

1.3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh Đ tự thỏa thuận:

-Chị Nguyễn Thị H có quyền sở hữu toàn bộ nhà và công trình kiến trúc kiến cố gồm 01 nhà bán bình cột thép, vách tôn trước nhà kết hợp xây tường 02 mặt, 110 bổ trụ, mái lợp tôn xốp nền lát gạch men. Diện tích (18,3 x20,5)m +(5,0 x1,5)m =388,14m2. Nhà làm xong năm 2021 giá trị nhà 310.400.000đ (Ba trăm mười triệu bốn trăm nghìn đồng) trừ khấu hao 6,67% giá trị còn lại còn 289.696.320đ (Hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng)

-Anh Bùi Minh Đ được quyền sở hữu các mặt hàng kinh doanh gồm:

1. Bàn ghế hoàng gia 01 bộ (gồm: 01 bàn dài, 01 bàn ngắn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn và 02 đôn). Trị giá 9500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng)
2. 02 bộ bàn ghế (loại 05 món gồm 01 bàn ngắn, 01 bàn dài, 02 ghế ngắn, 01 ghế dài). Trị giá 3.800.000đ x 02 bộ =7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)
3. Ghế tựa gỗ tạp 02 cái x1.000.000đ = 2.000.000đ (Hai triệu đồng)
4. Kệ dài (gỗ gõ) 02 cái x 4.900.000đ = 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn)
5. Kệ ngắn (gỗ gõ) 03 cái x 3.700.000đ = 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm nghìn đồng).
6. Bàn ghế gỗ xoan 01 bộ x 2.900.000đ = 2.900.000đ (Hai triệu chín trăm nghìn đồng),
7. Tủ nhựa (quần áo) 04 cánh có 03 cái x1.500.000đ =4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng),

8. Tủ nhôm (quần áo) 03 cái x1.550.000đ =1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).
9. Tủ nhựa quần áo loại 02 cánh 01cái x1.000.000đ = 1.000.000đ (Một triệu đồng)
10. Bàn thờ treo, gỗ sồi 16 cái x200.000đ/cái = 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng),
11. Đế bát hương (gỗ tạp) 05 cái x100.000đ = 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)
12. Đồng hồ gỗ tạp đơn giá 800.000đ/cái x03 cái =2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng)
13. Bàn thờ tài mái (gỗ sồi) 02 cái x 650.000đ =1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng),
14. Bàn thờ thần tài bằng, 02 cái x 650.000đ =1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng),
15. Bàn thờ thần tài nhỏ (gỗ sồi) 01 cái x350.000đ = 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).
16. Tủ dày dép(gỗ xoan) 01 cái x1.000.000đ =1.000.000đ (Một triệu đồng),
17. Bàn trang điểm (gỗ xoan) 01 cái x1.000.000đ =1.000.000đ(Một triệu đồng)
18. Tủ dày bằng tôn đơn giá 800.000đ x01 cái = 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)
19. Tủ quần áo bé (bằng nhựa) Đông Á 01 cái x1.000.000đ = 1.000.000đ (Một triệu đồng)
20. Tủ quần áo gỗ quế 02 cánh 01 cái x3.500.000đ = 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng)
21. Tủ gỗ quế 02 cánh (tủ quần áo) 01 cái x2.700.000đ =2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng),
22. Bàn thờ gỗ keo (04 chân) đơn giá 2.000.000đ x01 cái = 2.000.000đ (Hai triệu đồng),
23. Bàn thờ gỗ keo (04 chân) đơn giá 2.000.000đ x01 cái = 2.000.000đ (Hai triệu đồng),
24. Bàn thờ gỗ mít (04 chân) đơn giá 4.700.000đ x 02 cái = 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng),

25.Bàn thờ dơi gỗ mít (04 chân) đơn giá 5.500.000đ x01 cái = 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng),

26.Trường kỷ gồm hai ghế dài 01 bàn gỗ lim, 01 bộ x 9.500.000đ =9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng),

27.01 tượng di lặc gỗ dâu 01 cái x32.000.000đ/cái =32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng),

28.01 bộ máy làm gỗ (gồm xe kéo hàng, máy chà, máy khoan, đục) tổng trị giá khi mua là 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

29. 05 bộ bàn ghế bán bia (gồm 01 bàn và 06 ghế mua lại chưa trả tiền).

Tổng số tiền nợ hàng trong dân còn 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng). Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm thu tiền và giao lại cho anh Đ 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng). Thỏa thuận ngày 15/9/2022 anh chị H có trách nhiệm giao lại tiền thu nợ trong dân là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

1.4. Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Minh Đ tự nguyện thỏa thuận khoản nợ chung:

-Chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bố mẹ đẻ chị Hà là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị H 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

-Anh Bùi Minh Đ có trách nhiệm trả khoản nợ cho mẹ đẻ anh Đức là bà Cao Thị T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

-Anh Bùi Minh Đ có trách nhiệm trả cho anh Đỗ Tất C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

- Anh Bùi Minh Đ c có trách nhiệm trả khoản nợ thuê thợ sửa tượng 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng).

- *Về án phí*: Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trước khi hòa giải nên không phải chịu án phí về việc thỏa thuận phân chia tài sản. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn chị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008595 ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

Anh Bùi Minh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 16.275.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho anh Bùi Minh Đ là 16.200.000đ (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008597 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Bá Thước.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên